

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM
Môn học: **WSH412**
Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM
Học Kỳ II năm học 2014-2015

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK1151010165	Ngô Xuân	An	30/10/93	7	7	7	8	7,2	Đạt	
2	DTK1151010380	Vũ Xuân	An	8/5/1993	5	6	7	5	5,8	Đạt	
3	DTK1051010722	Bùi Tuấn	Anh	29/03/92	6				1,0	Thiếu ban	
4	DTK1151010004	Ngô Ngọc	Anh	26/09/93	6	7	7	6	6,6	Đạt	
5	DTK1151010005	Nguyễn Đình	Anh	29/07/93	8	7	7	5	6,7	Đạt	
6	DTK1151010115	Dương Đình	Anh	8/6/1993	6	8	8	8	7,7	Đạt	
7	DTK1151010168	Bùi Văn	Anh	21/12/93	8	7	8	6	7,2	Đạt	
8	DTK1151010275	Đào Tuấn	Anh	27/10/93	6	7	7	5	6,4	Đạt	
9	DTK1151010329	Tô Tiến	Anh	9/5/1993	8	7	8	6	7,2	Đạt	
10	DTK1151010330	Trần Bá	Anh	9/8/1993	7	8	7	7	7,4	Đạt	
11	DTK1151010488	Lương Phương	Anh	19/02/92	8	7	6	7	6,9	Đạt	
12	DTK1151010489	Nguyễn Tuấn	Anh	1/7/1993	8	8	8	7	7,8	Đạt	
13	DTK1151010490	Trần Đức	Anh	2/10/1993	7	8	6	4	6,4	Đạt	
14	DTK1151010655	Phạm Tuấn	Anh	6/9/1993	7	7	6	8	7,0	Đạt	
15	DTK1151010657	Nguyễn Đức	Anh	1/1/1993	7	8	7	6	7,1	Đạt	
16	K125520201008	Nguyễn Tuấn	Anh	16/07/94		b	b		#VALUE!	Thiếu ban	
17	DTK1151010008	Lê Văn	Bắc	6/8/1993	7	8	8	7	7,6	Đạt	
18	DTK1151010060	Giáp Văn	Bắc	12/1/1993	6	7	8	8	7,3	Đạt	
19	DTK1151010432	Nguyễn Văn	Bắc	4/10/1993	7				1,1	Thiếu ban	
20	DTK1151010116	Bùi Tiến	Bách	15/09/93	7	9	8	4	7,2	Đạt	
21	DTK1151010491	Trương Xuân	Bách	19/03/93	6	7	8	8	7,3	Đạt	
22	DTK1151010385	Nguyễn Văn	Bằng	20/12/93	8	6	7	8	7,0	Đạt	
23	DTK1151010117	Nguyễn Quốc	Bảo	16/03/93	8	7	8	6	7,2	Đạt	
24	DTK1151010061	Đào Ngọc	Biên	8/1/1993	7	7	7	8	7,2	Đạt	
25	DTK0951010610	Vũ Văn	Bình	21/06/91	7	7	6	9	7,2	Đạt	
26	DTK1151010492	Đào Quang	Bình	26/03/93	7	8	7	9	7,8	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
27	DTK1151010659	Phạm Văn	Bình	8/11/1993	4		6	5	3,3	Thiếu ban	
28	DTK1151010660	Trần Văn	Bồi	22/06/90	b				#VALUE!	Thiếu ban	
29	DTK1151010545	Nguyễn Đăng	Cảnh	15/06/93	7	6	7	6	6,4	Đạt	
30	DTK1151010663	Nguyễn Thị Quỳnh	Chang	28/10/93	6	8	7	8	7,4	Đạt	
31	DTK0951010687	Âu Văn	Chiến	29/07/91	b	8	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
32	DTK1051010491	Nguyễn Văn	Chiến	21/03/92	7	7	8	7	7,2	Đạt	
33	DTK1051010808	Phạm Văn	Chiến	24/09/92	6	b			#VALUE!	Thiếu ban	
34	DTK1151010012	Nguyễn Minh	Chiến	4/5/1993	8	7		6	5,2	Thiếu ban	
35	DTK1151010279	Dương Văn	Chiến	20/12/93	8		8	7	4,9	Thiếu ban	
36	DTK1151010604	Vũ Văn	Chiến	9/11/1993	8	8	8	7	7,8	Đạt	
37	DTK1051010333	Nguyễn Văn	Chính	22/02/92	5		6	6	3,7	Thiếu ban	
38	DTK1151010066	Trần Văn	Chung	10/7/1993	7	9	8	5	7,5	Đạt	
39	DTK1151010546	Đỗ Bảo	Chung	16/11/92	8	9		7	6,2	Thiếu ban	
40	DTK1151010011	Nguyễn Thế	Chương	27/02/92	7	7	7	4	6,3	Đạt	
41	DTK1151010278	Nguyễn Văn	Chường	23/12/93	6	7	7	5	6,4	Đạt	
42	DTK1051010327	Nguyễn Thành	Công	28/08/92	8	8	7	7	7,5	Đạt	
43	DTK1151010228	Nguyễn Hữu	Công	16/01/93	8				1,3	Thiếu ban	
44	DTK1151010333	Trịnh Văn	Công	12/10/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
45	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	23/10/93	b		b	6	#VALUE!	Thiếu ban	
46	DTK1151010544	Nguyễn Đức	Công	29/03/93	8	7	8	7	7,4	Đạt	
47	DTK1151010281	Lê Đình	Cung	15/09/93	6	6	7	7	6,5	Đạt	
48	DTK1051010807	Dương Kiên	Cương	27/02/91			7		1,7	Thiếu ban	
49	DTK1151010063	Bùi Khắc	Cương	12/1/1992	8	8	7	6	7,3	Đạt	
50	DTK0851010224	Hạc Văn	Cường	15/12/90	6	8	7	8	7,4	Đạt	
51	DTK0951010161	Hà Hữu	Cường	14/10/91	b				#VALUE!	Thiếu ban	
52	DTK1051010089	Trần Mạnh	Cường	17/07/92	7	7	7	9	7,5	Đạt	
53	DTK1051010330	Nguyễn Trọng	Cường	5/11/1992	7	6	7	5	6,2	Đạt	
54	DTK1151010009	Nguyễn Tiến	Cường	24/10/92	7		6	6	4,0	Thiếu ban	
55	DTK1151010230	Triệu Tiến	Cường	5/3/1993	7	7	6	7	6,8	Đạt	
56	DTK0851050068	Trịnh Trọng	Đại	2/2/1988	8	8		5	5,4	Thiếu ban	
57	DTK1151010218	Hoàng Văn	Đại	9/10/1993	9	7	7	7	7,3	Đạt	
58	DTK1151010438	Nguyễn Ngọc	Đại	7/12/1993	8	7	7	6	6,9	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
59	DTK1151010550	Trần Xuân	Đại	15/03/93	8	8	7	6	7,3	Đạt	
60	DTK1151010615	Trần Hữu	Đại	29/01/93	7	8	7	9	7,8	Đạt	
61	DTK1151010119	Thân Văn	Dân	2/9/1993	b	b	b	7	#VALUE!	Thiếu ban	
62	DTK1151010496	Vũ Văn	Dân	26/03/93	9	7	5	5	6,4	Đạt	
63	DTK1151010326	Hoàng Trọng	Đan	24/12/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
64	DTK1151010271	Trương Đỗ Hải	Đăng	12/6/1993	9	8	8	8	8,2	Đạt	
65	DTK1151010377	Bùi Văn	Đăng	29/04/93	7	7		7	5,3	Thiếu ban	
66	DTK0951010388	Cao Xuân	Đăng	15/05/91	6	7	7	7	6,8	Đạt	
67	DTK1151010497	Trương Đình	Đăng	10/3/1993	6	7	7	6	6,6	Đạt	
68	DTK1051010419	Trịnh Văn	Đạo	15/02/91	9	8	7	7	7,7	Đạt	
69	DTK0951010539	Đinh Văn	Đạt	24/10/91	6		6	7	4,1	Thiếu ban	
70	DTK1151010219	Bùi Văn	Đạt	19/08/93	8		8	8	5,1	Thiếu ban	
71	DTK1151010378	Lý Tiến	Đạt	25/09/93	8	8	5	5	6,6	Đạt	
72	DTK1151010499	Phạm Văn	Đạt	12/10/1993	7	6	7	9	7,1	Đạt	
73	DTK1151010551	Trần Văn	Đạt	31/10/93	7	8	5	9	7,4	Đạt	
74	DTK1151010610	Bùi Hoàng	Diệp	8/11/1993	8	8	8	8	8,0	Đạt	
75	DTK0851010158	Nguyễn Văn	Đô	19/06/89		b			#VALUE!	Thiếu ban	
76	DTK1151010163	Vì Văn	Độ	27/07/93	6	8	6	8	7,2	Đạt	
77	DTK1151010055	Đinh Văn	Đoàn	13/12/93	7	7	5	5	6,0	Đạt	
78	DTK1151010500	Nguyễn Văn	Đoàn	21/07/93	7	8	5	4	6,2	Đạt	
79	DTK1151010110	Nghiêm Văn	Đông	10/3/1993	8	7	8	6	7,2	Đạt	
80	DTK1151010440	Hà Văn	Đồng	13/12/93	7	7	7	7	7,0	Đạt	
81	DTK1151010666	Phạm Trung	Du	24/04/93	7	7	5	6	6,3	Đạt	
82	DTK1151010282	Nguyễn Mạnh	Dư	9/2/1992	7	8	8	7	7,6	Đạt	
83	DTK1151010122	Hoàng Văn	Dự	16/01/93	8	8	8	9	8,2	Đạt	
84	DTK1151010113	Bùi Minh	Đức	1/7/1993	7	8	7	9	7,8	Đạt	
85	DTK1151010222	Đinh Trung	Đức	18/09/93	8	8	7	6	7,3	Đạt	
86	DTK1151010273	Nguyễn Lăng	Đức	27/09/93	7	8	7	5	6,9	Đạt	
87	DTK1151010328	Trần Hữu	Đức	18/07/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
88	DTK1151010379	Tổng Minh	Đức	24/03/93	6	7	7	4	6,1	Đạt	
89	DTK1151010067	Lê Minh	Dũng	21/12/93	7	9	7	6	7,5	Đạt	
90	DTK1151010068	Luân Viết	Dũng	25/08/93	8	7	7	8	7,4	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
91	DTK1151010171	Phạm Công	Dũng	22/04/93	6	8	7	8	7,4	Đạt	
92	DTK1151010338	Nguyễn Đức	Dũng	14/10/93	6	8	8	7	7,4	Đạt	
93	DTK1151010388	Nguyễn Tiến	Dũng	19/02/93	8	8		7	5,8	Thiếu ban	
94	DTK1151010389	Đàm Anh	Dũng	19/09/93	8		6	7	4,4	Thiếu ban	
95	DTK1151010611	Phạm Quốc	Dũng	24/12/93	7	8	7	7	7,4	Đạt	
96	DTK1151010612	Nguyễn Ngọc	Dũng	12/9/1993	7	7	8	7	7,2	Đạt	
97	DTK1151010613	Đặng Việt	Dũng	14/12/93	8	9	6	5	7,2	Đạt	
98	DTK1151010231	Lại Xuân	Dương	8/1/1993	7	8	8	8	7,8	Đạt	
99	DTK1151010430	Nguyễn Văn	Dương	13/06/92	6	8		5	5,0	Thiếu ban	
100	DTK1151010607	Tạ Đức	Dương	8/6/1993	8	7	7	7	7,2	Đạt	
101	DTK1151010608	Đầu Văn	Dương	1/10/1993	8	7	7	7	7,2	Đạt	
102	DTK1151010552	Trần Văn	Đường	16/03/93	6	7	7	5	6,4	Đạt	
103	DTK1151010174	Phạm Quang	Duy	11/3/1993	6	7		6	4,9	Thiếu ban	
104	DTK1151010175	Phạm Ngọc	Duy	30/01/92	6	7		6	4,9	Thiếu ban	
105	DTK1151010233	Đồng Quang	Duy	9/11/1993	7	8	8	8	7,8	Đạt	
106	DTK1151010437	Nguyễn Văn	Duy	22/05/93	6	8	7	5	6,7	Đạt	
107	DTK1151010070	Phạm Thế	Duyệt	6/3/1992	7	7	8	5	6,8	Đạt	
108	DTK1151010286	Phạm Thế	Duyệt	15/11/92	7	8	7	8	7,6	Đạt	
109	DTK1151010015	Nguyễn Văn	Giang	29/06/93	7	7	5	7	6,5	Đạt	
110	DTK1151010071	Nguyễn Văn	Giang	30/04/93	8	7	6	5	6,4	Đạt	
111	DTK0951010173	Nguyễn Văn	Hải	16/03/91	7	8			4,0	Thiếu ban	
112	DTK1051010185	Nguyễn Văn	Hải	9/5/1992	7			5	2,3	Thiếu ban	
113	DTK1051010266	Trần Mạnh	Hải	10/3/1989	7	8	7	7	7,4	Đạt	
114	DTK1051010745	Phạm Văn	Hải	15/08/92	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
115	DTK1151010016	Nguyễn Văn	Hải	11/7/1993	7	7	7	5	6,5	Đạt	
116	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	28/02/93	6	7		7	5,2	Thiếu ban	
117	DTK1151010074	Bùi Đình	Hải	13/11/93	8	8	5	9	7,5	Đạt	
118	DTK1151010127	Phạm Minh	Hải	17/04/93	6	8	7		5,5	Thiếu ban	
119	DTK1151010234	Nguyễn Văn	Hải	12/6/1993	8	8	7	7	7,5	Đạt	
120	DTK1151010443	Trần Mạnh	Hải	20/04/91	7	8		7	5,7	Thiếu ban	
121	DTK1151010556	Lê Đình	Hải	21/02/93	7	7	7	5	6,5	Đạt	
122	DTK1051010743	Đình Văn	Hân	2/11/1992	8	8			4,2	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
123	DTK1051010026	Nguyễn Văn	Hanh	29/04/92	8	8	7	7	7,5	Đạt	
124	DTK1151010288	Vũ Ngọc	Hạnh	15/06/93	4	5	6	7	5,6	Đạt	
125	DTK1151010620	La Văn	Hạnh	23/08/92	8	8	8	8	8,0	Đạt	
126	DTK1151010738	Nguyễn Quang	Hào	14/12/93	7	7	6	9	7,2	Đạt	
127	DTK1051010347	Dương Văn	Hậu	1/7/1992	0			7	1,7	Thiếu ban	
128	DTK1051010427	Tô Văn	Hậu	2/3/1992	7	7	7	8	7,2	Đạt	
129	DTK1151010393	Trần Văn	Hiện	20/10/93	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
130	DTK1151010343	Nguyễn Văn	Hiệp	27/04/93	6				1,0	Thiếu ban	
131	DTK1151010394	Nguyễn Văn	Hiệp	24/12/93	6	8	7	5	6,7	Đạt	
132	DTK1151010559	Nguyễn Viết	Hiệp	8/9/1993	8	7	7	7	7,2	Đạt	
133	DTK1151010622	Phạm Quang	Hiệp	27/10/92	7	7	6	8	7,0	Đạt	
134	DTK1051010191	Ngô Minh	Hiếu	16/11/92	6	7	7	4	6,1	Đạt	
135	DTK1051020190	Nguyễn Văn	Hiếu	27/08/92	b				#VALUE!	Thiếu ban	
136	DTK1151010448	Nguyễn Văn	Hiếu	29/12/93	8	6	5	5	5,8	Đạt	
137	DTK1051010193	Phạm Việt	Hòa	2/10/1992	5	7	7	5	6,2	Đạt	
138	DTK1051010194	Trần Văn	Hòa	29/05/92	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
139	DTK1151010130	Nguyễn Văn	Hòa	6/5/1993	8	8	7	6	7,3	Đạt	
140	DTK1151010560	Bùi Văn	Hòa	1/8/1993	7	8	7	7	7,4	Đạt	
141	DTK1151010349	Đinh Văn	Hoan	10/4/1993	8	8	8	8	8,0	Đạt	
142	DTK1151010022	Vũ Thanh	Hoàn	8/5/1993	8	8	8	8	8,0	Đạt	
143	DTK1151010397	Lê Đình	Hoàn	9/1/1992	7	7	5	7	6,5	Đạt	
144	DTK1151010561	Nguyễn Văn	Hoàn	20/09/93	7		5	9	4,5	Thiếu ban	
145	DTK1051010433	Sái Việt	Hoàng	5/6/1992	7	8	b	8	#VALUE!	Thiếu ban	
146	DTK1151010182	Nguyễn Ngọc	Hoàng	27/08/93	7	7	7	6	6,8	Đạt	
147	DTK1151010451	Phùng Văn	Hoàng	15/12/93	8	7	7	7	7,2	Đạt	
148	DTK1051010896	Ngô Quang	Hoàng	20/02/90	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
149	DTK1151010503	Nguyễn Văn	Học	22/01/93	8	7	7	8	7,4	Đạt	
150	DTK1151010734	Nguyễn Văn	Hồng	12/2/1993	7	8	8	7	7,6	Đạt	
151	DTK1151010180	Bê Văn	Hợp	14/07/93	7	8	7	5	6,9	Đạt	
152	DTK1051010754	Nguyễn Văn	Huân	31/03/91	8	8	7	6	7,3	Đạt	
153	DTK1151010674	Nguyễn Đỗ	Huân	28/12/93	8	8	7	8	7,8	Đạt	
154	DTK1151010712	Ngô Thị	Huế	5/3/1993	8		5	8	4,4	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
155	DTK1051010595	Đào Duy	Huê	28/09/92	5	5	6	4	5,0	Đạt	
156	DTK1051010508	Trần Mạnh	Hùng	2/7/1992	7	6	7	7	6,6	Đạt	
157	DTK1151010020	Tạ Văn	Hùng	18/03/93	7	8	7	8	7,6	Đạt	
158	DTK1151010179	Hoàng Nghĩa	Hùng	24/06/93	8	8	7	7	7,5	Đạt	
159	DTK1151010342	Cao Mạnh	Hùng	14/05/93	7	7	5	8	6,8	Đạt	
160	DTK1151010447	Vũ Mạnh	Hùng	8/2/1993	7	7	8	7	7,2	Đạt	
161	DTK1151010504	Trịnh Vũ	Hùng	14/03/93		9			3,2	Thiếu ban	
162	DTK1151010673	Hà Văn	Hùng	15/02/93	7	6	6	5	5,9	Đạt	
163	DTK1151010129	Nguyễn Thế	Hưng	20/10/93	6	7	8		5,4	Thiếu ban	
164	DTK1151010236	Trần Quốc	Hưng	12/10/1993	8	7		8	5,7	Thiếu ban	
165	DTK1151010346	Nguyễn Phúc	Hưng	2/4/1993	7	7	8	6	7,0	Đạt	
166	DTK1151010347	Phạm Văn	Hưng	5/5/1993	6	7	8	6	6,8	Đạt	
167	DTK1151010396	Đào Quang	Hưng	7/6/1993	6	7	8	7	7,1	Đạt	
168	DTK1151010178	Bùi Văn	Hướng	14/01/92	7	7	7	10	7,7	Đạt	
169	DTK1051010035	Nguyễn Mạnh	Huy	7/5/1991			5	4	2,2	Thiếu ban	
170	DTK1151010132	Nguyễn Quang	Huy	18/06/93	7	8	8	5	7,1	Đạt	
171	DTK1151010133	Phan Văn	Huy	22/12/90	8	8	7	8	7,8	Đạt	
172	DTK1151010184	Ngô Anh	Huy	26/12/92	B				#VALUE!	Thiếu ban	
173	DTK1151010186	Nguyễn Thành	Huy	3/4/1987	8	8	8	8	8,0	Đạt	
174	DTK1151010295	Nguyễn Quang	Huy	15/07/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
175	DTK1151010351	Nguyễn Trung	Huy	12/3/1993	B				#VALUE!	Thiếu ban	
176	DTK1151010398	Nguyễn Tiến	Huy	22/05/93	7	8		7	5,7	Thiếu ban	
177	DTK1151010453	Trần Văn	Huy	18/06/93	6	7	8	7	7,1	Đạt	
178	DTK1151010715	Nguyễn Quốc	Huy	18/09/93	6	8	8	6	7,2	Đạt	
179	DTK1151010717	Dương Quang	Huy	11/12/1993	7	7	7	5	6,5	Đạt	
180	DTK1151010187	Đàm Duy	Khánh	17/12/93	7	7	6		5,1	Thiếu ban	
181	DTK1151010297	Đào Duy	Khánh	25/03/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
182	DTK1151010628	Nguyễn Văn	Khánh	3/8/1993	6	5	6	6	5,6	Đạt	
183	DTK1151010401	Trương Văn	Khiêm	12/1/1993	8	7	8	7	7,4	Đạt	
184	DTK0951010108	Vũ Duy	Khoa	13/01/91	6	7	7	6	6,6	Đạt	
185	DTK0951010109	Phạm Văn	Khoản	18/05/91	7	7	6	6	6,5	Đạt	
186	DTK1151010739	Vũ Văn	Khôi	23/02/87	8	7	7	9	7,6	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
187	DTK1151010399	Hoàng Văn	Khuong	26/08/93	8	7	7	6	6,9	Đạt	
188	DTK1151010563	Nguyễn Văn	Khuong	20/01/93	7	7	7	9	7,5	Đạt	
189	DTK1151010081	Nguyễn Trung	Kiên	27/08/93	8	8	7	9	8,0	Đạt	
190	DTK1151010507	Nguyễn Tài	Kiên	6/7/1993	6	8	7	4	6,5	Đạt	
191	DTK1151010455	Nguyễn Văn	Lâm	24/03/93	6	8	6	5	6,5	Đạt	
192	DTK1051010833	Đỗ Văn	Lập	21/08/92	7				1,1	Thiếu ban	
193	DTK1151010353	Lại Văn	Linh	11/12/1993	8	7	8	7	7,4	Đạt	
194	DTK1151010679	Lăng Ngọc	Linh	24/11/92	7	8	7	6	7,1	Đạt	
195	DTK1051010280	Phan Văn	Lộc	10/8/1992	b	7	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
196	DTK1151010239	Nguyễn Văn	Lợi	2/11/1992	8	8			4,2	Thiếu ban	
197	DTK1151010676	Trần Quang	Lợi	8/1/1989	8	9	8		6,4	Thiếu ban	
198	DTK1151010029	Lê Việt	Long	9/1/1993	8	7	8	9	7,9	Đạt	
199	DTK1151010136	Trần Văn	Long	14/10/93	7	7	7	6	6,8	Đạt	
200	DTK1151010241	Giáp Văn	Long	2/9/1993	7	6	7	5	6,2	Đạt	
201	DTK0951010265	Nông Bảo	Luật	5/4/1991	b		b	B	#VALUE!	Thiếu ban	
202	DTK1151010025	Hoàng Văn	Lượng	16/11/92	7	8	8	6	7,4	Đạt	
203	DTK1151010402	Giáp Văn	Lượng	29/07/93	7	6	5	7	6,2	Đạt	
204	DTK1151010406	Vũ Công	Lý	30/10/92	8	6	8	6	6,8	Đạt	
205	DTK1151010189	Nguyễn Văn	Mạnh	27/11/93	6	6		8	5,0	Thiếu ban	
206	DTK1151010190	Nghiêm Xuân	Mạnh	24/02/93	7	6	8	6	6,6	Đạt	
207	DTK1151010242	Nguyễn Văn	Mạnh	19/02/93	6	6	7	7	6,5	Đạt	
208	DTK1151010243	Lưu Đức	Mạnh	4/5/1993	7	7	5	9	7,0	Đạt	
209	DTK1151010458	Phùng Văn	Mạnh	13/01/92	8	7	5	9	7,2	Đạt	
210	DTK1151010729	Trịnh Tiến	Mạnh	20/09/93	6	7	8	6	6,8	Đạt	
211	DTK0951010124	Lê Văn	Minh	17/04/89	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
212	DTK1051010204	Đoàn Công	Minh	1/5/1992	7	7	6	4	6,0	Đạt	
213	DTK1151010031	Đỗ Văn	Minh	15/03/93	7		7	5	4,0	Thiếu ban	
214	DTK1151010137	Nguyễn Phú	Minh	1/1/1993	9	7	5	7	6,8	Đạt	
215	DTK1151010299	Dương Công	Minh	3/1/1993	8	8	7	7	7,5	Đạt	
216	DTK1151010569	Trương Ngọc	Minh	15/06/93	8	9	8	9	8,6	Đạt	
217	DTK1051010684	Mai Thành	Nam	6/2/1992	6	7	7	8	7,1	Đạt	
218	DTK1051010839	Trần Thành	Nam	11/6/1992	7	7	7		5,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
219	DTK1051010911	Nguyễn Thành	Nam	22/09/92	b		7		#VALUE!	Thiếu ban	
220	DTK1151010032	Vũ Trọng	Nam	30/12/93	7	7	7	7	7,0	Đạt	
221	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	7				1,1	Thiếu ban	
222	DTK1151010085	Nguyễn Văn	Nam	8/9/1993	8	8	8	7	7,8	Đạt	
223	DTK1151010140	Phạm Thành	Nam	13/06/93	8	8	7	8	7,8	Đạt	
224	DTK1151010191	Nguyễn Văn	Nam	1/10/1992	7	7	5	5	6,0	Đạt	
225	DTK1151010301	Hà Hoài	Nam	18/05/92	7	8	7	9	7,8	Đạt	
226	DTK1151010356	Ngô Tuấn	Nam	10/4/1992	8	8	7	7	7,5	Đạt	
227	DTK1151010409	Đường Đức	Nam	16/06/93	6	7	8	7	7,1	Đạt	
228	DTK1151010462	Vũ Hoài	Nam	29/06/92	7	8	7	6	7,1	Đạt	
229	DTK1151010570	Chu Đức	Nam	28/09/93	8		6	5	3,9	Thiếu ban	
230	DTK1151010680	Lê Hồng	Nam	6/2/1992	7	8	6	8	7,4	Đạt	
231	DTK1151010681	Nguyễn Hồng	Nam	24/12/93	6	7	8		5,4	Thiếu ban	
232	DTK1151010682	Phạm Văn	Nam	27/03/90	7	7	8	6	7,0	Đạt	
233	DTK1051010912	Bùi Xuân	Nghĩa	29/04/92	6	8	8	8	7,7	Đạt	
234	DTK1151010509	Hà Văn	Nghĩa	7/12/1993	8	8	6	9	7,8	Đạt	
235	DTK1151010683	Trương Văn	Nghĩa	4/1/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
236	DTK1051010127	Đinh Văn	Nghiêm	1/5/1992	7	6	8	8	7,1	Đạt	
237	DTK1051010206	Nguyễn Đình	Ngọc	13/04/92	b	7	6	b	#VALUE!	Thiếu ban	
238	DTK1151010086	Lê Trung	Ngọc	15/05/92	8	8	8	7	7,8	Đạt	
239	DTK1151010193	Nguyễn Bảo	Ngọc	30/01/93	8	8	8	8	8,0	Đạt	
240	DTK1151010357	Đào Văn	Ngọc	5/8/1993	6	8	8	5	7,0	Đạt	
241	DTK1151010463	Đặng Văn	Ngọc	6/4/1993	b	7	7	8	#VALUE!	Thiếu ban	
242	DTK1151010195	Đieu Trung	Nguyên	21/05/92	6	7	6	7	6,6	Đạt	
243	DTK1151010410	Đinh Cao	Nguyên	21/08/93	7	7		5	4,8	Thiếu ban	
244	DTK1151010034	Đỗ Văn	Nhất	10/10/1993	7	6	7	4	5,9	Đạt	
245	DTK1151010635	Nguyễn Đăng	Nhất	20/10/93	7	7	7	4	6,3	Đạt	
246	DTK1051010843	Đào Sỹ	Nhật	27/02/92		7	7		4,2	Thiếu ban	
247	DTK1151010088	Nghiêm Văn	Nhung	19/08/93	7	7	8	5	6,8	Đạt	
248	DTK1151010304	Vì Văn	Pháo	24/10/90	7	8	7	8	7,6	Đạt	
249	DTK1151010307	Hoàng Văn	Phong	2/8/1993	8	7	7	8	7,4	Đạt	
250	DTK1051010369	Đặng Huy	Phúc	8/7/1992	8	7	7		5,5	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
251	DTK1151010142	Trần Văn	Phương	15/01/93	b	b	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
252	DTK1151010143	Nguyễn Duyên	Phương	11/2/1993	7	7	8	9	7,7	Đạt	
253	DTK1151010144	Vũ Văn	Phương	6/11/1993		7	5	5	4,9	Thiếu ban	
254	DTK1151010246	Đặng Đình	Phương	29/04/93	7			6	2,6	Thiếu ban	
255	DTK1151010305	Nguyễn Duy	Phương	1/6/1993	7	8	9	8	8,1	Đạt	
256	DTK1151010306	Nguyễn Văn	Phương	2/11/1993	7	7	5	6	6,3	Đạt	
257	DTK1151010571	Nguyễn Khắc	Phương	1/6/1992	7	6	7	5	6,2	Đạt	
258	DTK1151010685	Nguyễn Đăng	Phương	23/03/93	8	7	6	5	6,4	Đạt	
259	DTK1151010036	Nguyễn Văn	Phượng	12/10/1993	8	7	7	6	6,9	Đạt	
260	DTK1051010290	Vũ Mạnh	Quân	7/12/1990	b				#VALUE!	Thiếu ban	
261	DTK1151010089	Đỗ Năng	Quân	20/03/93	7	8	8	6	7,4	Đạt	
262	DTK1151010572	Dương Văn	Quân	24/11/92	6	7	7	6	6,6	Đạt	
263	DTK1151010686	Nguyễn Ngọc	Quân	8/8/1993	7	7	7	8	7,2	Đạt	
264	DTK0951010132	Phạm Văn	Quang	22/02/91	8	9	7	5	7,4	Đạt	
265	DTK1151010249	Phạm Vinh	Quang	22/03/93	7	8	7	7	7,4	Đạt	
266	DTK1151010573	Nguyễn Đức	Quang	1/11/1993	9	8	8	6	7,7	Đạt	
267	DTK1151010636	Phạm Xuân	Quang	21/09/92	8	7	7	5	6,7	Đạt	
268	DTK1151010574	Ngô Đình	Quý	1/12/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
269	DTK1051010771	Năng Văn	Quý	19/02/92	7	7	7	7	7,0	Đạt	
270	DTK1151010090	Nguyễn Văn	Quý	27/03/93	8	8	7	4	6,8	Đạt	
271	DTK1151010197	Vũ Hồng	Quý	13/07/92	8	7	6	8	7,2	Đạt	
272	DTK1151010514	Vũ Xuân	Quý	10/5/1993	7	7	6	9	7,2	Đạt	
273	DTK1151010515	Nguyễn Thế	Quý	31/05/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
274	DTK1151010724	Vũ Đình	Quý	3/11/1993	8	8	7	7	7,5	Đạt	
275	DTK1151010091	Nguyễn Hạnh	Quyên	24/06/92	7	8	7	8	7,6	Đạt	
276	DTK1151010146	Nguyễn Văn	Quyên	28/04/93	7	7	8	8	7,5	Đạt	
277	DTK1051010292	Nguyễn Anh	Quyên	17/06/92	4	8	7	5	6,4	Đạt	
278	DTK1051010692	Đình Văn	Quyết	26/12/92	7		6	5	3,8	Thiếu ban	
279	DTK1151010092	Nguyễn Đức	Quyết	16/11/93	8	7	7	5	6,7	Đạt	
280	DTK1151010466	Trương Văn	Quyết	2/2/1993	7	8	7	8	7,6	Đạt	
281	DTK1151010576	Nguyễn Văn	Quyết	12/3/1993	8	8	7	5	7,0	Đạt	
282	K125520103304	Mai Văn	Quyết	25/10/94		b			#VALUE!	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
283	DTK1151010250	Dương Công	Quỳnh	8/1/1992	7	8	7	6	7,1	Đạt	
284	DTK1151010362	Nguyễn Văn	Sang	5/6/1993	7	8	8	5	7,1	Đạt	
285	DTK1151010413	Nguyễn Ngọc	Sáng	28/08/93	6	7	7	6	6,6	Đạt	
286	DTK1151010687	Nguyễn Văn	Sáng	17/07/92	7	7	7	5	6,5	Đạt	
287	DTK1051010134	Nguyễn Đức	Son	18/02/92		8	8	6	6,2	Thiếu ban	
288	DTK1151010038	Nguyễn Văn	Son	1/6/1993	6	7	7	7	6,8	Đạt	
289	DTK1151010148	Lê Trung	Son	10/8/1993	7	8	7	6	7,1	Đạt	
290	DTK1151010251	Lê Xuân	Son	20/09/93	6	7	7	6	6,6	Đạt	
291	DTK1151010309	Triệu Xuân	Son	25/05/93	7	8	6	8	7,4	Đạt	
292	DTK1151010467	Trương Văn	Son	15/09/93	7	7	8	5	6,8	Đạt	
293	DTK1151010577	Phan Trường	Son	19/08/93	8	8	7	5	7,0	Đạt	
294	DTK1151010688	Chu Đức	Son	28/02/92	9		7		3,1	Thiếu ban	
295	DTK1151010516	Phan Hữu	Sự	2/1/1992	7	7	8	8	7,5	Đạt	
296	DTK1151010517	Nguyễn Văn	Sỹ	11/8/1993	7	7	7	8	7,2	Đạt	
297	DTK1151010202	Nguyễn Thế	Tài	14/12/93	7	8	8	7	7,6	Đạt	
298	DTK1151010418	Trần Văn	Tài	23/09/93	7	7	6	9	7,2	Đạt	
299	DTK1051010775	Nguyễn Văn	Tâm	15/01/92	6	7	7	B	#VALUE!	Thiếu ban	
300	DTK1151010252	Nguyễn Đức	Tâm	20/07/93	7	7	8	9	7,7	Đạt	
301	DTK1151010363	Phạm Văn	Tâm	21/04/93	6	7	7	6	6,6	Đạt	
302	DTK1151010519	Nguyễn Văn	Tâm	2/2/1992	6	8	7	7	7,2	Đạt	
303	DTK1151010637	Nguyễn Đức	Tâm	6/11/1992	7	7	8	7	7,2	Đạt	
304	DTK0951010137	Nguyễn Thế	Tân	20/10/91	7	6	7	6	6,4	Đạt	
305	DTK1151010093	Đỗ Quang	Tân	21/09/91	7	8	7	6	7,1	Đạt	
306	DTK1151010689	Nguyễn Trọng	Tân	10/9/1993	7	7	8	8	7,5	Đạt	
307	DTK1151010039	Nguyễn Văn	Tập	12/5/1993	B				#VALUE!	Thiếu ban	
308	DTK1151010040	Chu Hồng	Thái	3/2/1993	7	9	7	5	7,2	Đạt	
309	DTK1151010204	Nguyễn Minh	Thái	12/5/1993	B				#VALUE!	Thiếu ban	
310	DTK1151010579	Trần Lương	Thái	11/3/1993	7	9	6	7	7,5	Đạt	
311	DTK1151010580	La Minh	Thái	15/05/89	7	8	7	9	7,8	Đạt	
312	DTK1151010690	Nguyễn Quang	Thái	22/12/93	7	8	5	5	6,4	Đạt	
313	DTK1151010041	Cao Văn	Thân	8/8/1993	7	8	8	7	7,6	Đạt	
314	DTK0951010212	Chu Minh	Thắng	26/08/91			8	b	#VALUE!	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
315	DTK1151010043	Mai Thế	Thắng	26/04/93	7		7	6	4,2	Thiếu ban	
316	DTK1151010150	Phạm Mạnh	Thắng	26/03/93	7	6	4	7	5,9	Đạt	
317	DTK1151010583	Nguyễn Hữu	Thắng	3/8/1992	9	9	8	9	8,8	Đạt	
318	DTK1151010584	Nguyễn Trí	Thắng	27/04/92	7	7	7	7	7,0	Đạt	
319	DTK1151010312	Hoàng Doãn	Thanh	20/01/93	7	8	8	6	7,4	Đạt	
320	DTK1151010472	Tạ Quang	Thanh	9/11/1992	7	8	7	6	7,1	Đạt	
321	DTK1151010693	Dương Văn	Thanh	21/10/93	7	7	5	7	6,5	Đạt	
322	DTK1051010060	Nguyễn Văn	Thành	29/09/92	7	6	6	6	6,2	Đạt	
323	DTK1051010460	Đào Quang	Thành	25/07/92	7	8	7	6	7,1	Đạt	
324	DTK1151010256	Trần Văn	Thành	23/05/93	7	7	7	5	6,5	Đạt	
325	DTK1151010311	Trần Văn	Thành	17/11/93	6	8	7	6	7,0	Đạt	
326	DTK1151010521	Đỗ Quang	Thành	17/12/93	7				1,1	Thiếu ban	
327	DTK1151010522	Phạm Hữu	Thành	25/04/93	7			4	2,1	Thiếu ban	
328	DTK1151010638	Phạm Minh	Thành	19/03/93	6	8	7	7	7,2	Đạt	
329	DTK1151010691	Trịnh Văn	Thành	25/01/92	8	7	6	5	6,4	Đạt	
330	DTK1151010694	Nguyễn Văn	Thao	21/01/93	7	7	7	9	7,5	Đạt	
331	DTK1151010695	Lê Văn	Thao	18/02/92	8	8	7	9	8,0	Đạt	
332	DTK1151010042	Luân Văn	Thảo	8/11/1992	7	8	7	7	7,4	Đạt	
333	DTK1151010368	Phạm Văn	Thế	26/03/93	6				1,0	Thiếu ban	
334	DTK1151010473	Nguyễn Văn	Thế	26/06/93	7	8	8	6	7,4	Đạt	
335	DTK1151010367	Trần Xuân	Thế	3/9/1992	7		6	4	3,5	Thiếu ban	
336	DTK1151010095	Trương Quý	Thiện	22/03/93	7	7	7	6	6,8	Đạt	
337	DTK1151010696	Đinh Văn	Thiệt	28/07/93	6	7	7	7	6,8	Đạt	
338	DTK1151010366	Đặng Như	Thiệu	19/06/92	7	7	8	7	7,2	Đạt	
339	DTK1051010299	Lưu Đức	Thìn	7/5/1992	8	8	7	8	7,8	Đạt	
340	DTK1051010543	Nguyễn Văn	Thinh	20/12/92	7	7	7	7	7,0	Đạt	
341	DTK1151010154	Nguyễn Văn	Thịnh	18/09/93	7	7	8	5	6,8	Đạt	
342	DTK1151010313	Nguyễn Quang	Thịnh	9/6/1993	6	8	7	7	7,2	Đạt	
343	DTK1151010314	Phạm Văn	Thịnh	8/3/1993	8	9	8	8	8,4	Đạt	
344	DTK1151010697	Hoàng Đình	Thịnh	13/09/93	8	6	8	8	7,3	Đạt	
345	DTK1151010523	Bùi Đức	Thọ	1/7/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
346	DTK1151010525	Nguyễn Đoàn	Thoan	18/08/93	6	7	8	7	7,1	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
347	DTK1151010642	Nguyễn Văn	Thuần	20/04/93	6	7	8	8	7,3	Đạt	
348	DTK1151010527	Ngô Minh	Thuần	7/1/1993	5	8	8	7	7,3	Đạt	
349	DTK1151010096	Đình Văn	Thuận	7/7/1993	8	7	8	7	7,4	Đạt	
350	DTK1151010735	Trịnh Văn	Thuận	21/01/92	8	8	4	5	6,3	Đạt	
351	DTK1051010143	Đình Văn	Thường	4/4/1992	6	8	5	7	6,7	Đạt	
352	DTK1151010151	Nguyễn Đức	Thường	14/06/93		7			2,5	Thiếu ban	
353	DTK1051010303	Vũ Văn	Thường	12/4/1991	7	8	7	9	7,8	Đạt	
354	DTK1151010420	Đào Duy	Thường	10/8/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
355	DTK1151010206	Lê Văn	Thuyết	20/05/93	7	7	7	8	7,2	Đạt	
356	DTK1151010528	Đình Văn	Thuyết	27/10/92	8	6	6	6	6,3	Đạt	
357	DTK1151010260	Trần Văn	Tiên	19/05/93	6		8	6	4,3	Thiếu ban	
358	DTK0951010218	Nông Văn	Tiến	23/07/91			8		1,9	Thiếu ban	
359	DTK1151010047	Lê Đắc	Tiến	8/7/1993	7	7	7	5	6,5	Đạt	
360	DTK1151010479	Bùi Nam	Tiến	19/12/92	7	7	7	4	6,3	Đạt	
361	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	11/3/1993	4	8	6	4	5,9	Đạt	
362	DTK1151010532	Trần Văn	Tiến	2/3/1991	6	7	7	5	6,4	Đạt	
363	DTK1151010533	Nguyễn Văn	Tiến	8/2/1992	7	7	6	4	6,0	Đạt	
364	DTK1151010423	Hoàng Văn	Tiếp	27/02/92	6	7	7	8	7,1	Đạt	
365	DTK1151010539	Trần Hữu	Tính	15/10/93	7	8	7	6	7,1	Đạt	
366	DTK1151010417	Đàm Duy	Tình	29/01/93	8	7	7	7	7,2	Đạt	
367	DTK1151010468	Phạm Quang	Tình	13/06/93	8	7	8	6	7,2	Đạt	
368	DTK1051010617	Dương Văn	Tổ	20/08/92	9	7	6	7	7,1	Đạt	
369	DTK1151010102	Nguyễn Duy	Toàn	29/06/93	7	7	6	8	7,0	Đạt	
370	DTK1151010157	Nguyễn Đức	Toàn	18/10/93	7	7	8	7	7,2	Đạt	
371	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toàn	25/03/93	7		7	4	3,8	Thiếu ban	
372	DTK1151010475	Phạm Đình	Tới	20/05/93	6	8	6	9	7,4	Đạt	
373	DTK1051010137	Phùng Lin	Ton	13/12/92	5	6	5	7	5,8	Đạt	
374	DTK1051010802	Nguyễn Văn	Trà	9/11/1992	7	8		4	5,0	Thiếu ban	
375	DTK1151010209	Đoàn Đắc	Tráng	4/8/1993	7	7	6	6	6,5	Đạt	
376	DTK1151010265	Hoàng Minh	Trí	16/08/93	7	8	7	9	7,8	Đạt	
377	DTK1151010426	Đặng Kim	Triều	20/11/93	7	8	7	7	7,4	Đạt	
378	DTK1151010425	Trương Văn	Trình	8/3/1993	9	7	7	6	7,1	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
379	DTK1151010210	Vũ Văn	Trọng	18/11/92	7	7	7	6	6,8	Đạt	
380	DTK1151010371	Lê Huy	Trọng	21/10/93	7	7	8	6	7,0	Đạt	
381	DTK1151010372	Đỗ Quốc	Trọng	1/10/1993	7	7	7	7	7,0	Đạt	
382	DTK1151010481	Nguyễn Đình	Trọng	19/10/92	7	8	8	6	7,4	Đạt	
383	DTK0951010667	Trần Nam	Trung	18/08/90	6	6	5	5	5,5	Đạt	
384	DTK1051010233	Nguyễn Mạnh	Trung	27/04/92	7	7	5	6	6,3	Đạt	
385	DTK1051010712	Vũ Quang	Trung	16/09/92	6	5		6	4,2	Thiếu ban	
386	DTK1051010713	Dương Văn	Trung	12/12/1992	7		7	4	3,8	Thiếu ban	
387	DTK1051010939	Nguyễn Văn	Trung	5/1/1992	7	7	b	b	#VALUE!	Thiếu ban	
388	DTK1151010536	Nguyễn Thành	Trung	20/11/93	7	8	7	9	7,8	Đạt	
389	DTK1151010704	Nguyễn Hữu	Trung	14/04/93	7	8	7	8	7,6	Đạt	
390	DTK1151010103	Nguyễn Văn	Trường	4/4/1992	8	8	8	8	8,0	Đạt	
391	DTK1151010211	Trần Văn	Trường	8/6/1993	6	7	5	9	6,8	Đạt	
392	DTK1151010264	Nguyễn Như	Trường	28/08/93	7	7	8	7	7,2	Đạt	
393	DTK1151010482	Trương Xuân	Trường	11/5/1993	7				1,1	Thiếu ban	
394	DTK1151010702	Hoàng Văn	Trường	3/5/1992	6	7	8	7	7,1	Đạt	
395	DTK1051010068	Ấu Văn	Tú	4/1/1992	6	7	6	6	6,4	Đạt	
396	DTK1151010048	Đỗ Văn	Tú	24/06/92	9	7	7	6	7,1	Đạt	
397	DTK1151010208	Đặng Văn	Tú	9/12/1991	7			7	2,8	Thiếu ban	
398	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	7	b	8	b	#VALUE!	Thiếu ban	
399	DTK1151010370	Hoàng Văn	Tú	3/5/1993	7	7	8	8	7,5	Đạt	
400	DTK1151010591	Lê Huy	Tú	13/06/93	6	8	7	8	7,4	Đạt	
401	K125520103408	Phan Ngọc	Tú	2/7/1993	6	9			4,2	Thiếu ban	
402	DTK1151010700	Nguyễn Văn	Tụ	7/3/1992	6	8	7	7	7,2	Đạt	
403	DTK1051010469	Nguyễn Văn	Tứ	26/09/92	7	7	8	8	7,5	Đạt	
404	DTK0951010818	Triệu Văn	Tuân	10/10/1990	8	8	8	7	7,8	Đạt	
405	DTK1151010484	Vũ Anh	Tuân	4/10/1993		6	7	6	5,3	Thiếu ban	
406	DTK1151010595	Giáp Văn	Tuân	19/02/93	b			4	#VALUE!	Thiếu ban	
407	DTK0951010671	Hoàng Khắc	Tuấn	30/06/91	7	6	8	4	6,2	Đạt	
408	DTK0951020781	Nguyễn Trung	Tuấn	19/12/91		b			#VALUE!	Thiếu ban	
409	DTK1051010156	Đàm Quốc	Tuấn	5/4/1992	8	6	7	5	6,3	Đạt	
410	DTK1051010395	Phương Văn	Tuấn	14/12/91	7	6	7	4	5,9	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
411	DTK1051010716	Lê Văn	Tuấn	3/6/1991	8	8	8	7	7,8	Đạt	
412	DTK1051010796	Lê Văn	Tuấn	24/01/91	8	7	8	8	7,6	Đạt	
413	DTK1051010942	Nguyễn Hữu	Tuấn	26/11/92	7	7	8	7	7,2	Đạt	
414	DTK1151010052	Nguyễn Văn	Tuấn	10/4/1993	7	5	8	5	6,0	Đạt	
415	DTK1151010104	Đoàn Ngọc	Tuấn	20/07/92	8	8	9	8	8,2	Đạt	
416	DTK1151010160	Phạm Anh	Tuấn	10/8/1992	8	8	7	8	7,8	Đạt	
417	DTK1151010212	Đỗ Minh	Tuấn	15/08/93	7	7	8	9	7,7	Đạt	
418	DTK1151010374	Nguyễn Kim	Tuấn	17/09/93	8	8	7	8	7,8	Đạt	
419	DTK1151010375	Phan Văn	Tuấn	13/04/93	8	7	6	7	6,9	Đạt	
420	DTK1151010485	Vũ Văn	Tuấn	25/10/93	7	7	8	7	7,2	Đạt	
421	DTK1151010537	Vũ Đức	Tuấn	12/12/1993	6	8	7	8	7,4	Đạt	
422	DTK1151010596	Bùi Minh	Tuấn	25/04/93	8	8	7	9	8,0	Đạt	
423	DTK1151010647	Nguyễn Thanh	Tuấn	3/6/1993	8	9	6	7	7,6	Đạt	
424	DTK0851010130	Lưu Quốc	Tùng	7/2/1990	6	7	8	6	6,8	Đạt	
425	DTK1051010625	Đào Trường	Tùng	15/09/92	7		8	6	4,5	Thiếu ban	
426	DTK1151010097	Hà Sơn	Tùng	4/5/1993	8	8	8	5	7,3	Đạt	
427	DTK1151010099	Hoàng Văn	Tùng	15/05/93	7				1,1	Thiếu ban	
428	DTK1151010207	Thân Văn	Tùng	30/05/92	6	5	7	6	5,9	Đạt	
429	DTK1151010261	Nguyễn Sĩ	Tùng	30/09/91	9	7	8	5	7,1	Đạt	
430	DTK1151010316	Đỗ Hữu	Tùng	2/2/1993	8	7	7	7	7,2	Đạt	
431	DTK1151010369	Nguyễn Thanh	Tùng	2/4/1993	8	7	7	5	6,7	Đạt	
432	DTK1151010477	Nguyễn Tiến	Tùng	21/09/93	7	8	6		5,4	Thiếu ban	
433	DTK1151010478	Hà Minh	Tùng	2/2/1992	7	8	7	8	7,6	Đạt	
434	DTK1151010530	Hoàng Thanh	Tùng	1/6/1992	6	8	7	7	7,2	Đạt	
435	DTK1151010531	Hà Văn	Tùng	10/7/1992	8	6	8	7	7,0	Đạt	
436	DTK1151010698	Nguyễn Thế	Tùng	12/6/1993	8	6	7	4	6,1	Đạt	
437	DTK1151010529	Hồ Văn	Tướng	25/09/91	8	7	8	7	7,4	Đạt	
438	DTK1151010255	Vũ Văn	Tường	19/02/93	8	7			3,8	Thiếu ban	
439	DTK1151010318	La Văn	Tuyền	12/1/1993	7	8	6	4	6,4	Đạt	
440	DTK1151010649	Phùng Văn	Tuyền	24/08/92	7	8	8	7	7,6	Đạt	
441	DTK1151010161	Hà Quang	Tuyền	24/09/93	8	7	7	9	7,6	Đạt	
442	DTK1151010428	Hoàng Thanh	Tuyền	20/11/93	7	7	7		5,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mài	Tiện	Phay bào	Sửa chữa	Trung bình	Xét	Ghi chú
443	DTK1151010597	Nguyễn Ngọc	Tuyền	6/2/1993	8	9	7	7	7,9	Đạt	
444	DTK1151010319	Nguyễn Thị	Tuyết	24/10/93	7	7	7	4	6,3	Đạt	
445	DTK1151010268	Bùi Văn	Văn	14/10/92	7		8	4	4,0	Thiếu ban	
446	DTK0851010145	Nguyễn Mạnh	Vang	13/05/85	6	8	8	8	7,7	Đạt	
447	DTK1151010269	Trịnh Quang	Việt	11/11/1993	8	8	7	7	7,5	Đạt	
448	DTK1151010321	Ngô Đình	Việt	20/09/93	7	7	5	7	6,5	Đạt	
449	DTK1151010322	Đỗ Tiến	Việt	29/02/91	8	9			4,5	Thiếu ban	
450	DTK1151010651	Hoàng Đức	Việt	24/05/93	8	8	7	8	7,8	Đạt	
451	DTK1151010707	Lưu Đức	Việt	1/2/1993	7	7	7	8	7,2	Đạt	
452	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	8/9/1992	8	b	8	6	#VALUE!	Thiếu ban	
453	DTK1151010543	Đồng Quang	Vĩnh	11/9/1992	8	7	7	8	7,4	Đạt	
454	DTK0951010152	Nguyễn Văn	Vũ	10/8/1987	6	7	5	7	6,4	Đạt	
455	DTK0951010605	Nguyễn Duy	Vũ	3/8/1991	8	9			4,5	Thiếu ban	
456	DTK1151010215	Trần Tuấn	Vũ	4/2/1993	7	8	7	7	7,4	Đạt	
457	DTK1151010652	Nguyễn Quang	Vũ	29/09/93	7	8	7	8	7,6	Đạt	
458	DTK1151010653	Trần Văn	Vũ	8/2/1990	8	7	8	4	6,7	Đạt	
459	DTK1151010540	Nguyễn Trọng	Vương	28/03/93	7	6	4	5	5,4	Đạt	
460	DTK1051010721	Hoàng Văn	Xuân	29/02/92	6				1,0	Thiếu ban	
461	DTK1151010429	Nguyễn Đình	Xuân	14/01/93	7	8	8	8	7,8	Đạt	
462	DTK1151010654	Lê Đức	Xuân	20/06/93	8	8	4	8	7,0	Đạt	
463	DTK1151010709	Đặng Thanh	Xuân	4/11/1992	6	8	7	7	7,2	Đạt	
464	DTK1151010162	Nguyễn Văn	Xưởng	21/12/93	7	7	7		5,3	Thiếu ban	

Ấn định danh sách: 464 SV